

Tổng quan văn học Nhật Bản ở Việt Nam trước và sau Đổi mới

Vũ Thị Mỹ Hạnh^(*)

Tóm tắt: Nhật Bản là quốc gia có nền kinh tế phát triển vượt bậc, nhưng cũng là một đất nước có nền văn học với những đóng góp lớn cho nhân loại. Các tác phẩm văn học của Nhật Bản được dịch sang tiếng Việt từ rất sớm và hiện nay số lượng tác phẩm ngày càng nhiều, cùng với những nghiên cứu về nền văn học Nhật Bản đã giúp cho độc giả Việt Nam tiếp cận và hiểu sâu hơn về con người, văn hóa Nhật Bản. Đó cũng là tiền đề quan trọng tạo nên sự gắn kết giữa hai quốc gia, nhất là trong bối cảnh quan hệ hợp tác Việt Nam - Nhật Bản đang phát triển ngày càng tốt đẹp như hiện nay. Bài viết tổng quan những tác phẩm văn học Nhật Bản đã được dịch ở Việt Nam, tình hình nghiên cứu, những vấn đề xung quanh các hội thảo văn học Nhật Bản từ những năm trước và sau Đổi mới (1986).

Từ khóa: Nghiên cứu văn học, Văn học Nhật Bản, Văn học dịch, Tác phẩm văn học

Abstract: Not only an outstanding economy, Japan is also known for its literature with great contributions to humanity. In Vietnam, Japanese literary works have been translated since very early, and more have yet been introduced. Alongside studies on Japanese literature, they have opened door to Vietnamese readers to better understanding of Japanese people and culture. This is also an important premise that enables close ties between two countries, especially favored by the progressive growth of Vietnam-Japan cooperation. The article provides an overview of translated Japanese literary works in Vietnam, the situation of studies and issues raised in conferences on Japanese literature before and after the Doi Moi (Reform) in 1986.

Keywords: Literary Research, Japanese Literature, Translated Literature, Literary Work

1. Một số nét khái quát

Nhật Bản không chỉ là một cường quốc về kinh tế mà còn là một đất nước có nền văn học phát triển từ rất sớm. Ba Giải Nobel Văn học của Kenzaburo Oe,

Kawabata Yasunari và Kazuo Ishiguro đã khẳng định vị trí của văn học Nhật Bản ở khu vực và trên thế giới. Họ có thể sánh vai với các nền văn học lớn trên thế giới không chỉ về bề dày lịch sử mà còn cả giá trị nội dung và nghệ thuật của nó.

“Văn học Nhật Bản truyền miệng có nguồn gốc từ xa xưa, được ghi chép lại cách đây cũng đã trên 1.300 năm, còn văn học

^(*) ThS., Viện Thông tin Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;
Email: hanhvtm76@gmail.com

viết cũng xuất hiện từ thế kỷ thứ VII hoặc còn sớm hơn nữa” (Nguyễn Thị Khánh, 1998). Nếu chia theo niên đại, văn học Nhật Bản được chia thành 5 thời kỳ: Văn học thượng cổ (710-794), Văn học trung cổ (794-1192), Văn học trung đại (1192-1603), Văn học cận đại (1603-1867), Văn học hiện đại (1868 tới nay) (Theo: Nguyễn Ngọc Phương Trang, 2007). Và “một trong những đặc điểm nổi bật nhất của văn học Nhật Bản là khuynh hướng hướng tâm của nó, mỗi thành phố đều có xu hướng trở thành trung tâm văn hóa của đất nước” (Nguyễn Thị Khánh, 1998).

Ở Nhật Bản, quá trình hiện đại hóa nền văn học diễn ra song song với quá trình Nhật Bản hiện đại hóa đất nước (bắt đầu từ thời Duy Tân Minh Trị). Nhưng việc “hiện đại hóa văn học” có diễn biến đa dạng và phức tạp hơn. Giai đoạn đầu, văn học hiện đại Nhật Bản tiếp thu nền văn học phương Tây trên cơ sở dịch thuật các tác giả, tác phẩm lớn. Cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX, hầu hết tinh hoa văn học nhân loại dường như đều có mặt ở Nhật Bản với những tên tuổi: Dostoevski, Nietzsche, James Joyce, Proust... Chính điều này đã trở thành nhân tố kích thích sự phát triển nền văn học Nhật Bản. Song song với việc dịch những tác phẩm kinh điển của văn học châu Âu là sự mô phỏng nhiều sáng tác nổi tiếng: *Robinson Crusoe* (Defoe), *Không Tưởng* (Thomas More), *Sự thú tội* (Rousseau), *Hamlet*, *Vua Lear*, *Người lái buôn thành Venice* (Shakespeare)...

Trong giao lưu văn học và văn hóa với các nước trong khu vực và thế giới, văn học Nhật Bản đến với Việt Nam muộn hơn so với văn học Pháp, Trung Quốc, Nga, nhưng lại sớm hơn Anh, Mỹ, Đức và một số nước khác. Cuối những năm 1980, 1990, văn học Nhật Bản đã được dịch, nghiên cứu

và giảng dạy nhiều hơn ở Việt Nam. Trước đây, văn học dịch của Nhật Bản đến Việt Nam thường thông qua các ngôn ngữ khác, nhưng hiện nay, nhiều dịch giả đã dịch trực tiếp từ tiếng Nhật sang tiếng Việt.

Văn học Nhật Bản và văn học Việt Nam có những nét tương đồng trong quá trình hiện đại hóa, tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại. Hiện nay, bên cạnh dòng văn học kinh điển gắn liền với những tác giả có ảnh hưởng trên thế giới, thị trường văn học Việt Nam còn xuất hiện nhiều tác giả văn học đương đại Nhật Bản với số lượng tác phẩm khá lớn. Điều đó chứng tỏ sức hấp dẫn của nền văn học này đối với các dịch giả và các nhà nghiên cứu của Việt Nam.

2. Tác phẩm văn học Nhật Bản ở Việt Nam trước và sau Đổi mới

Năm 1973, Việt Nam chính thức đặt quan hệ ngoại giao với Nhật Bản. Sau khi thống nhất đất nước (năm 1975), Việt Nam đã có những điều kiện thuận lợi về chính trị và xã hội để tiếp cận nền văn học này nhiều hơn.

Thập niên 1960-1980, mặc dù chưa nhiều nhưng đã xuất hiện một số tác phẩm văn học Nhật Bản xuất bản thành sách hoặc đăng trên báo và tạp chí ở Việt Nam. Ở miền Bắc, giai đoạn này chỉ mới xuất hiện một số tác phẩm như: *Khu phố không ánh mặt trời* (1961), *Núi đồi yên lặng* (1962) của Shunao Tokunaga; *Mây gió Hakone* (1963) của Takakura Teru, *Cánh đồng Banshu* (1964) của Miyamoto Yuriko, tập truyện *Sợi xích trắng* của nhiều tác giả (1966), *Khuôn mặt người khác* (1969) của Kobo Abe. Trong khi đó, ở miền Nam trước năm 1975, văn học Nhật Bản được dịch với một số lượng lớn hơn, không chỉ qua các bản Anh ngữ, Pháp ngữ mà đã có một số tác phẩm dịch thẳng từ tiếng Nhật. Theo thống kê chưa đầy đủ, chúng ta cũng thấy được văn học Nhật

Bản khá phổ biến ở miền Nam vào thời kỳ này: *Thơ M. Basho, Cô đào hát miền Izu, Ngàn cánh hạc, Tiếng núi rền* của Yasunari Kawabata (1969), *Nắng mùa hè, Phòng tra tấn* của Shintano Ishihara (1966), tiểu thuyết *Kim Các tự* của Yukio Mishima (1970). Đặc biệt là chùm truyện *Cô đào hát miền Izu* của Yasunari Kawabata (1986), một số tác phẩm của Daizai Osamu: *Đường đến nguồn nước* (1984), *Người đàn bà mà tôi ruồng bỏ* (1984), *Hạnh phúc và bất hạnh* (1985),...

“Trước Đổi mới (1986) vài năm, việc dịch văn học Nhật Bản bắt đầu có những biến chuyển. Bắt đầu từ việc tái bản, rồi dịch lại những danh tác văn học Nhật Bản đã dịch trước năm 1975 ở miền Nam, rồi văn học Nhật Bản được dịch nhiều hơn, sau đó trở thành một làn sóng dịch thuật và giới thiệu văn học Nhật Bản. Từ công cuộc đổi mới với chủ trương “Việt Nam muốn là bạn với các nước trên thế giới”, quan hệ kinh tế, chính trị, văn hóa Việt-Nhật ngày càng mật thiết. Việc nghiên cứu, giảng dạy văn học Nhật Bản rất phát triển, nhờ thế văn học Nhật Bản được dịch và giới thiệu một cách có hệ thống, bài bản hơn” (Theo: Đoàn Lê Giang, 2013).

Sau năm 1986, chưa bao giờ bạn đọc Việt Nam lại có cơ hội tiếp xúc với nhiều tác phẩm dịch của nhiều nước trên thế giới đến như vậy. Đặc biệt, việc thành lập Trung tâm nghiên cứu Nhật Bản tại Việt Nam (1993) trực thuộc Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn Quốc gia; việc hình thành đội ngũ các nhà nghiên cứu văn học, văn hóa Nhật Bản ở Viện Văn học, Trung tâm nghiên cứu Nhật Bản và Đông Bắc Á, Viện Sử học, các trường, viện như Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh... đã mở ra một giai đoạn phát triển mạnh mẽ trong việc giới thiệu và nghiên cứu văn học Nhật Bản ở nước ta (Theo: Hà Văn Lường, 2009).

Những năm đầu thế kỷ XXI, văn học Nhật Bản còn được dịch theo hiện tượng, trào lưu. Ví như việc dịch hàng loạt tác phẩm của chỉ một tác giả, như Haruki Murakami với *Ngày đẹp trời để xem Kangaru, Sau cơn động đất, Đom đóm, Người tivi, Sau nửa đêm, Biên niên kí chim vặn dây cót, Rừng Nauy, Kafka bên bờ biển, Phía Nam biên giới phía Tây mặt trời, Nhảy nhảy nhảy, Người tình Sputnik, IQ84...*; Yasunari Kawabata với: *Tiếng rền của núi, Ngàn cánh hạc, Cổ đô, Người đẹp ngủ say, Thủy nguyệt, Xứ tuyết*, chùm truyện *Cô đào hát miền Izu...*; Yukio Mishima với: *Trả thù, Tã lót, Ngôi đền vàng, Chiều hôm lỡ bước, Sóng tình, Người thủy thủ bị biển khước từ, Khát vọng yêu đương...* Thậm chí, chỉ trong hai năm 2006, 2007 đã có 10 tiểu thuyết của Haruki Murakami và 4 tiểu thuyết của Yoshimoto Banana (*Tugumi, Kitchen, Amrita, N.P*) được dịch sang tiếng Việt (Theo: Nguyễn Thị Mai Liên, 2018).

Gần đây nhất là các tác phẩm xuất sắc của văn học Nhật Bản được bạn đọc Việt Nam đón nhận nồng nhiệt như: *Gối đầu lên cỏ* của Natsume Soseki, *IQ84* của Haruki Murakami, *Tà dương* của Daizai Osamu. Đặc biệt, sự xuất hiện những tác phẩm *Dạ khúc, Mãi đừng xa tôi* và *Người khổng lồ ngủ quên* của Kazuo Ishiguro (nhà văn được Giải Nobel Văn học năm 2017) cho thấy sức hấp dẫn của nền văn học này đối với các nhà nghiên cứu, các dịch giả và độc giả Việt Nam.

Nhìn từ khối lượng tác phẩm văn học Nhật Bản ở Việt Nam trong giai đoạn này, có thể thấy so với giai đoạn trước Đổi mới, văn học Nhật đã phong phú và cập nhật hơn rất nhiều. Những nhà văn nổi tiếng đã được dịch theo một trình tự thời gian và hầu hết các tác phẩm nổi tiếng của họ như Haruki Murakami và Yoshimoto Banana được bạn đọc Việt Nam đón nhận nồng nhiệt.

Theo nghiên cứu của Nguyễn Thị Mai Liên (2018), “Văn xuôi Nhật Bản được dịch chiếm số lượng chủ yếu, lên tới khoảng 70%, còn lại là thơ, kịch, truyện tranh... Có tình trạng này trước hết là do thành tựu văn học hiện đại Nhật Bản đạt được trên các thể loại văn xuôi như tiểu thuyết, truyện ngắn, truyện trong lòng bàn tay nổi trội hơn so với thơ” (Ba nhà văn được Giải Nobel Văn học là Yasunari Kawabata và Kenzaburo Oe, Kazuo Ishiguro đều là những cây bút văn xuôi). Tuy nhiên, vẫn còn nhiều cây bút xuất sắc của văn học Nhật Bản hiện đại chưa được dịch và giới thiệu ở Việt Nam như Mori Ogai, Futabatei Shimei, Siga Nagoya, Mishima Yukio, Tanizaki Junichiro, Noma Hiroshi, Yokomitsu Riichi, Dazai Osamu, Ibuse Masuji...

Sở dĩ những năm này có sự xuất hiện không đồng đều giữa các thể loại văn học, các trào lưu, khuynh hướng là do nhu cầu của thị trường Việt Nam. Nói về mảng thơ ca Nhật Bản, những năm gần đây, thơ Haiku và một số bài thơ hiện đại Nhật Bản cũng được các dịch giả Lê Thị Bình, Nguyễn Thị Mai Liên, Lưu Đức Trung, Hoàng Long dịch và nghiên cứu. Đó là sự khác biệt trong dịch thuật và nghiên cứu văn học Nhật Bản trước và sau Đổi mới. Thực tế là, khi công tác dịch và truyền bá các tác phẩm chính thống của các tác giả nổi tiếng ở Nhật Bản còn gặp khó khăn do ngôn ngữ, văn hóa thì truyện tranh Nhật Bản lại tràn ngập ở Việt Nam như *Doremon* của Fujiko F. Fujio, *Một nửa Ranma*, *Inu-Yasha* của Takahashi Rumiko, *Thám tử Conan* của Aoyama Gosho, *Naruto* của Kishimoto Masashi, *Shin - cậu bé bút chì* của Yoshito Usui, *Vua trò chơi* của Kazuki Takahashi, *Nữ hoàng Ai Cập* của Chieko Hoshokawa và Fumin, *Mặt nạ thủy tinh* của Suzue Miuchi, *Hunter x Hunter* của Yoshihiro Togashi... Có điều

này là do xu thế thương mại hóa và thị hiếu của một bộ phận thanh thiếu nhi của Việt Nam. Đây cũng là một trong những điểm khác biệt so với giai đoạn cuối thế kỷ XX của thị trường văn học dịch. Tuy nhiên, về nội dung, có thể thấy, truyện còn mang nhiều tính bạo lực và ngôn ngữ dịch truyện tranh chưa được chuẩn mực.

Văn học Nhật Bản đến Việt Nam với nhiều phong cách, trào lưu khác nhau. Những năm gần đây, tác phẩm được dịch gồm cả thơ, truyện ngắn, tiểu thuyết... làm cho văn đàn trở nên sôi động hơn. Tuy nhiên, việc dịch tác phẩm của “một số tác giả lớn, tiêu biểu hay được Giải Nobel Văn học như Yukio Mishima, Ihara Saikaku, Kenzaburo Oe còn rất hạn chế” (Hà Văn Lưỡng, 2009). “Số lượng tác phẩm văn học Nhật được dịch ra tiếng Việt cho đến nay có thể đến trên 300 quyển. Văn học Nhật được dịch và giới thiệu ở Việt Nam có được thành tựu lớn, có lẽ chỉ đứng sau những nền văn học lớn và có truyền thống dịch thuật lâu đời ở Việt Nam như Trung Quốc, Pháp, Nga mà thôi” (Đoàn Lê Giang, 2013).

3. Tình hình nghiên cứu văn học Nhật Bản ở Việt Nam trước và sau Đổi mới

Từ những năm 1980, công tác nghiên cứu văn học Nhật Bản đã được chú trọng nhiều hơn. Các công trình nghiên cứu không chỉ tập trung vào các tác giả lớn mà cả những vấn đề xã hội của Nhật Bản, bao gồm các công trình nghiên cứu được xuất bản, những bài viết công bố trên tạp chí, báo trung ương, địa phương và chuyên ngành. Sau năm 1986, các công trình nghiên cứu tập trung phân tích bức tranh lịch sử văn học Nhật Bản qua các giai đoạn, nghiên cứu thể loại thơ, văn xuôi và những vấn đề chung hoặc đi sâu vào tác giả, tác phẩm.

Trước năm 1986, có các bài viết tiêu biểu như: “Tiểu thuyết Nhật Bản” (Mai

Chương Đức, Tạp chí *Văn học*, số 90 (6), 1969); “Vài nét về thơ Nhật Bản Ishikawa Takuboku” (Vĩnh Sinh, Tạp chí *Văn học*, số 6, 1969); “Yếu tố Eros trong truyền thống văn học Nhật Bản” (Uyên Minh, Tạp chí *Văn học*, số 6, 1969); “Vài đặc điểm của văn nghệ Nhật Bản 1945-1950” (Lê Trường Sa, Tạp chí *Văn học*, số 144, 1972). “Thu và thơ Nhật Bản” của Nguyễn Vỹ (*Phổ thông*, số 43, 1982), “Tiểu thuyết Nhật Bản” của Mai Chương Đức (Tạp chí *Văn học*, 1969); “Văn xuôi Nhật Bản” của Bùi Trọng Bình (*Tác phẩm mới*, số 4, 1982); “Văn xuôi Nhật Bản hiện đại” của Nguyễn Văn Sĩ (*Báo Văn nghệ*, số 1, 1983)... Những nghiên cứu này giới thiệu về thể loại, khuynh hướng, tác giả, đặc điểm và một số vấn đề văn học hiện tại của Nhật Bản. Nhưng do thị trường văn học Nhật còn chưa được biết đến nhiều, nên những nghiên cứu còn bỏ ngỏ, chưa có hệ thống.

Sau năm 1986, văn học Nhật Bản ngày càng được nghiên cứu mở rộng hơn, và có sự đối sánh với các nền văn học khác trong đó có văn học Việt Nam. Đó là những nghiên cứu về lịch sử văn học, tác giả, thể loại văn học và những vấn đề chung: *Văn học Nhật Bản hiện đại từ thời Minh Trị tới nay* của Nguyễn Tuấn Khanh (Viện Thông tin Khoa học xã hội, 1998); “Văn học đại chúng của Nhật Bản hiện nay” của Lê Sơn (Tạp chí *Thông tin Khoa học xã hội*, số 4, 1992); “Một số nét đặc trưng của văn học Nhật Bản” của Trần Hải Yên (Tạp chí *Nghiên cứu Nhật Bản*, số 4, 1999), *Tổng quan văn học Nhật Bản* của Nguyễn Nam Trân (Nxb. Giáo dục, 2011), *Hợp tuyển văn học Nhật Bản từ khởi thủy đến giữa thế kỷ XIX* của Nguyễn Thị Mai Liên (Nxb. Lao động, 2010), *Văn học Nhật Bản từ khởi thủy đến 1868* của Nhật Chiêu (Nxb. Giáo dục, 2000), *Văn*

học Nhật Bản (Nhiều tác giả, Nxb. Thông tin Khoa học xã hội, 1998), *Tổng quan lịch sử văn học Nhật Bản* của Nguyễn Nam Trân (Nxb. Giáo dục Việt Nam, 2011), *Văn học cận đại Đông Á, từ góc nhìn so sánh* do Đoàn Lê Giang chủ biên (Nxb. Tổng hợp Hồ Chí Minh, 2011), *Những cây bút kiệt xuất trong văn học Nhật Bản hiện đại* của Nguyễn Tuấn Khanh (Nxb. Khoa học xã hội, 2011), “Những biểu hiện của chủ nghĩa hiện thực huyền ảo trong văn học Nhật Bản đương đại” của Lê Ngọc Phương (Tạp chí *Nghiên cứu Văn học*, số 2, 2012), Từ tiểu thuyết gia đình của Shimazaki Toson suy nghĩ về khuynh hướng tự nhiên chủ nghĩa trong văn học Nhật Bản và Việt Nam” của Nguyễn Hữu Hiếu (Tạp chí *Nghiên cứu Văn học*, số 2, 2012), “Nét tương đồng giữa văn học Nhật Bản và văn học Việt Nam trong quá trình hiện đại hóa (giai đoạn cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX)” của Cao Thị Hào (Tạp chí *Nghiên cứu văn học*, số 3, 2011),...

Qua đó chúng ta thấy, những năm gần đây, các nhà nghiên cứu thường tập trung theo hướng loại hình tác giả và đặc trưng thể loại. Những tác giả đương đại được dịch, nghiên cứu nhiều trong những năm đầu thế kỷ XXI là: Kenzaburo Oe, Junichi Watanabe, Yasunari Kawabata, Haruki Murakami...

Một số hướng nghiên cứu cũng đang được mở rộng và đầu tư hơn so với những năm trước đây, đó là nghiên cứu về văn học dân gian Nhật Bản và những ảnh hưởng của nó đến văn học hiện đại, cũng như việc so sánh với các nền văn học dân gian khác như Việt Nam, Hàn Quốc, Trung Quốc. Tiêu biểu có thể kể đến là các bài viết: “Thể loại truyền thuyết dưới mắt các nhà nghiên cứu Folklore Nhật Bản và Trung Quốc” của Kiều Thu Hoạch (Tạp chí *Văn học*, số 2,

2000), “Tục ngữ Nhật Bản với người phụ nữ” của Nguyễn Thị Hồng Thu (Tập chí *Văn học nghệ thuật*, số 4/2001), “Bước đầu giới thiệu ‘Nhật Bản linh dị ký’ và những yếu tố dân gian của nó” của Nguyễn Thị Oanh (Tập chí *Văn hóa dân gian*, số 1, 1998), “Truyện tranh Nhật Bản và nhu cầu giải trí của trẻ em hiện nay” của Đàm Thùy Dương (Tập chí *Diễn đàn Văn nghệ Việt Nam*, số 2, 2002)... Việc nghiên cứu so sánh văn học Việt Nam và Nhật Bản thực sự mới được tiến hành một cách tập trung chừng 15 năm gần đây, thế nhưng cho đến nay đã đạt được những thành tựu đáng kể. Tuy nhiên triển vọng của hướng nghiên cứu này còn hết sức rộng rãi (Xem: Đoàn Lê Giang, 2013).

Những năm đầu thế kỷ XXI, văn học Nhật Bản được giới thiệu và nghiên cứu một cách rất hệ thống từ văn học cổ đến văn học hiện đại và đương đại (Xem: Hà Văn Lưỡng, 2009). Những công trình nghiên cứu này đã phác họa được bức tranh văn học Nhật Bản từ khởi thủy đến cận, hiện đại, cung cấp cho người đọc một cái nhìn khá toàn diện về văn học xứ Phù Tang. Bên cạnh đó, còn có những nghiên cứu về ảnh hưởng của văn học Nhật Bản đến Việt Nam, văn học Việt Nam và Nhật Bản trong bối cảnh Đông Á...

4. Hội thảo văn học Nhật Bản ở Việt Nam

Nhằm mục đích tạo ra những cơ hội để nhiều người quan tâm đến văn học Nhật Bản và lĩnh vực nghiên cứu văn học Nhật Bản ngày càng phát triển mạnh mẽ ở Việt Nam, các trường đại học, các viện nghiên cứu, các trung tâm văn hóa Nhật Bản những năm gần đây còn thường xuyên tổ chức những hội thảo có tính chất và quy mô lớn. Tháng 10/2003, trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn - Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh đã tổ chức

Hội thảo “30 năm thiết lập quan hệ hữu nghị Việt-Nhật”, đề cập đến những vấn đề như: dịch văn học Việt Nam ở Nhật Bản, những ảnh hưởng của văn học Nhật Bản ở Việt Nam, tác giả văn học Nhật Bản ở Việt Nam... Tháng 9/2009, Viện Khoa học xã hội Việt Nam (nay là Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam) phối hợp với Trung tâm Giao lưu văn hóa Nhật Bản (The Japan Foudation) tổ chức “Hội thảo Văn học Nhật Bản” với quy mô trên cả nước (Hà Nội, Huế, Đà Nẵng, Tp. Hồ Chí Minh). Đây là cơ hội giúp các nhà nghiên cứu, nhà văn, các dịch giả, độc giả hiểu thêm về dấu ấn đặc trưng của văn học Nhật Bản hiện đại. Tháng 10/2009, Viện Phát triển bền vững vùng Nam bộ (nay là Viện Khoa học xã hội vùng Nam bộ) tổ chức Hội thảo “Những vấn đề giao lưu văn hóa - văn học Việt Nam - Nhật Bản”.

Tháng 3/2010, Hội thảo khoa học quốc tế “Quá trình hiện đại hóa văn học Nhật Bản và các nước văn hóa chữ Hán: Việt Nam, Trung Quốc, Hàn Quốc (từ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX)” đã được trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn - Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh tổ chức. Hội thảo đi sâu phân tích cơ sở căn rễ văn hóa truyền thống phương Đông và quá trình tiếp biến văn hóa Đông - Tây, lý giải xu thế hiện đại hóa qua một số hiện tượng, tác giả, tác phẩm tiêu biểu.

Tháng 12/2012, trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn - Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh đã tổ chức Hội thảo khoa học quốc tế “Văn học Việt Nam và Nhật Bản trong bối cảnh Đông Nam Á” với sự tham dự của các giáo sư, nhà nghiên cứu đến từ các trường đại học, viện nghiên cứu danh tiếng của một số quốc gia và vùng lãnh thổ. Hội thảo tập trung trình bày những kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học

và thảo luận về giao lưu, ảnh hưởng, điểm giống nhau và đặc sắc riêng giữa văn học Việt Nam và văn học Nhật Bản.

Tháng 12/2013, trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn - Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh đã tổ chức Hội thảo khoa học quốc tế “Nghiên cứu văn học Việt Nam và Nhật Bản trong bối cảnh toàn cầu hóa thế kỷ XXI”. Tháng 10/2015, Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á (thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam và Trung tâm Nghiên cứu Văn hóa quốc tế Nhật Bản phối hợp tổ chức “Hội thảo quốc tế Nghiên cứu lịch sử - văn hóa Nhật Bản”. Năm 2015, Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á còn tổ chức “Hội thảo Các vấn đề lịch sử văn hóa xã hội trong giao lưu Việt Nam - Nhật Bản”. Cũng trong năm này, trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn - Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh tổ chức thành công “Hội thảo Văn học Việt Nam và Nhật Bản trong bối cảnh toàn cầu hóa”. Trong các cuộc hội thảo này, các nhà nghiên cứu có cơ hội tìm hiểu sâu hơn về văn hóa Nhật Bản, trong đó có văn học Nhật Bản từ cổ đại đến hiện đại, những vấn đề lý thuyết nghiên cứu và văn học dịch. Để tạo điều kiện, cơ hội cho nhiều người quan tâm, nghiên cứu văn học Nhật Bản, Quỹ Giao lưu quốc tế Nhật Bản cùng Quỹ Tưởng nhớ Inove Yasushi tổ chức cuộc thi “Luận văn nghiên cứu văn học Nhật Bản” tại Việt Nam vào các năm 2016, 2017, 2018.

Những hoạt động giao lưu văn hóa văn học giữa hai quốc gia Nhật Bản và Việt Nam từ những năm đầu của thế kỷ XXI đã diễn ra thường xuyên hơn, và cũng từ đây độc giả cũng như các nhà nghiên cứu Việt Nam có nhiều kênh thông tin hơn để tiếp cận và yêu hơn nền văn học lớn này.

5. Kết luận

Từ tổng quan trên, có thể thấy, mặc dù văn học Nhật Bản đến Việt Nam muộn hơn

so với một số nền văn học phương Tây và phương Đông khác, song văn học Nhật Bản ở Việt Nam trên tất cả các lĩnh vực dịch thuật, nghiên cứu, giới thiệu, hội thảo... đã phát triển một cách nhanh chóng, đặc biệt là sang thế kỷ XXI, khi Việt Nam tiến hành hội nhập quốc tế sâu rộng. Tuy nhiên, để có một bức tranh toàn cảnh về văn học Nhật Bản, chúng ta cần nghiên cứu, dịch thuật ở tất cả các thể loại như văn xuôi, thơ, kịch. Vì hiện nay, những nghiên cứu tập trung ở mảng văn xuôi (tiểu thuyết, truyện) vẫn nhiều hơn. “Mảng văn học kịch còn quá trống, nhiều tác phẩm kịch Noh, và kịch hiện đại chưa đến với bạn đọc. Trong khi quá chú trọng các tác giả thời cận, hiện đại mà hầu như bỏ “quên” các tác giả giai đoạn trước dẫn đến sự mất cân đối giữa các thời kỳ văn học. Mảng thơ hiện đại dịch quá ít” (Theo: Hà Văn Lưỡng, 2009). Hơn nữa, chúng ta cũng cần có một đội ngũ các nhà nghiên cứu được đào tạo bài bản về văn hóa, văn học Nhật Bản. “Để có sự toàn diện trong nghiên cứu văn học Nhật Bản, việc định hướng nghiên cứu cũng rất cần thiết. Điều này có thể tiến hành thông qua các hội thảo, các chương trình, đề án nghiên cứu” (Theo: Nguyễn Thị Mai Liên, 2018) □

Tài liệu tham khảo

1. Đoàn Lê Giang (2013), *Văn học Việt Nam và Nhật Bản trong bối cảnh Đông Nam Á*, Nxb. Đại học Quốc gia Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.
2. Cao Thị Hảo (2011), “Nét tương đồng và khác biệt giữa văn học Nhật Bản và văn học Việt Nam trong quá trình hiện đại hóa (Giai đoạn cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20)”, *Tạp chí Nghiên cứu Văn học*, số 3.

(xem tiếp trang 29)